

Số: *126* /BC-UBND

Nga Sơn, ngày *17* tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Kế hoạch số 19/HĐND-KTNS ngày 20/01/2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về giám sát chuyên đề “Việc thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020”;

Trên cơ sở thực tế tình hình thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020; cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi giai đoạn 2016-2020, UBND huyện Nga Sơn báo cáo đánh giá kết quả đạt được như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Thực trạng phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Nga Sơn giai đoạn 2016-2019:

Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản bình quân hàng năm ước đạt 3,1%. Giá trị thu nhập trên 1 ha đất nông nghiệp năm 2019 đạt 150,1 triệu đồng (gấp 1,3 lần so với năm 2016). Từng bước hướng đến sản xuất tập trung, hình thành cánh đồng mẫu lớn, liên kết với doanh nghiệp từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất, phòng trừ dịch bệnh cho các loại cây trồng.

Trong sản xuất nông nghiệp huyện đã đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ trồng cây có hiệu quả thấp sang mô hình trồng cây có hiệu quả cao hơn. Giai đoạn 2016-2019, toàn huyện đã chuyển đổi được 673,78 ha đất canh tác lúa, coi kém hiệu quả sang sản các cây trồng khác và kết hợp trang trại, nuôi trồng thủy sản, lúa cá kết hợp theo quy hoạch mang lại hiệu quả kinh tế. Một số cây trồng có giá trị kinh tế cao được mở rộng như: cây dưa hấu năm 2019 trồng được 240ha (tăng 218,5 ha so với năm 2016), cây khoai tây 300ha, dưa Kim Hoàng Hậu, dưa Vân lưới, cây hoa...; Từ năm 2016-2019, toàn huyện đã tổ chức liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm được 1.539,4 ha cây trồng các loại, trong đó: Liên kết đối với cây lúa 912,2 ha, cây khoai tây 506,5 ha, rau các loại 120,7 ha; Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung với diện tích 16 ha, chỉ đạo xây dựng mô hình

nhà kính, nhà lưới sản xuất theo hướng công nghệ cao được trên 63.200 m²; tiếp tục chỉ đạo tích tụ, tập trung đất đai, xây dựng cánh đồng lớn; cải tạo được 533,2ha vườn tạp để trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế; chỉ đạo thâm canh cói trong vùng quy hoạch, tạo nguyên liệu sản xuất các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp, sản lượng cói bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 12.315 tấn/năm.

Tổng trọng lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2019 là 14 nghìn tấn, bằng 87,5% so với năm 2016. Toàn huyện có 81 trang trại chăn nuôi công nghiệp (48 trang trại nuôi lợn công nghiệp với quy mô bình quân trên 530 con/trang trại; có 33 trang trại nuôi gia cầm, bình quân 6 nghìn con/trang trại); Thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, nhất là dịch lở mồm long móng, dịch tả lợn Châu Phi.

Lĩnh vực khai thác và nuôi trồng thủy sản tiếp tục được quan tâm và có bước phát triển. Tốc độ tăng trưởng ngành thủy sản bình quân hàng năm đạt 3,9%. Tổng giá trị sản xuất năm 2019 đạt 181,1 tỷ đồng; chỉ đạo thí điểm nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh công nghệ cao trong nhà kính được 1,5 ha, cho năng suất, sản lượng, giá trị cao.

Tuy nhiên, trong sản xuất nông nghiệp vẫn còn một số hạn chế, yếu kém đó là:

- Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa có nhiều sản phẩm hàng hóa; cây trồng có giá trị kinh tế cao chậm được nhân rộng; Hạ tầng phục vụ sản xuất nhất là vùng biển còn gặp nhiều khó khăn.

- Sản xuất chưa gắn nhiều với liên kết bao tiêu sản phẩm. Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, HTX với hộ nông dân chưa bền vững, chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Sản xuất chưa gắn với việc xây dựng thương hiệu cho sản phẩm. Thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap còn hạn chế. Việc kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ.

- Trong chăn nuôi còn nhiều hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không kiểm soát được vệ sinh thực phẩm và dịch bệnh.

2. Việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Sau khi Nghị quyết của HĐND tỉnh có hiệu lực UBND huyện Nga Sơn triển khai ngay đến các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; toàn thể cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đồng thời đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn của huyện phối hợp với các ngành, các tổ chức đoàn thể tập trung tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân; các đoàn viên, hội viên và mọi tầng lớp nhân dân tập trung thực hiện có hiệu quả chính sách.

Hàng năm căn cứ vào các chỉ tiêu tỉnh giao cho huyện về khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách, UBND huyện ban hành Quyết định giao chỉ tiêu thực hiện cụ thể cho các xã, thị trấn tổ chức thực hiện. Hàng vụ, hàng năm

UBND huyện ban hành các Phương án sản xuất có các cơ chế khuyến khích hỗ trợ theo cơ chế của tỉnh, cơ chế của huyện như: hỗ trợ nông dân mua giống lúa phục vụ sản xuất; hỗ trợ sản xuất vùng dưa hấu tập trung, hỗ trợ trong liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm,...

3. Kết quả triển khai, thực hiện các cơ chế chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện.

3.1. Nguồn vốn:

- Vốn giải ngân chính sách: 5.958,57 triệu đồng.
- Vốn xã hội hóa: không.
- Giao vốn: 10.731 triệu đồng.
- Thu hồi: 772,8 triệu đồng
- Vốn năm 2019 chưa rải ngân đề nghị tỉnh cho chuyển nguồn thực hiện sang năm 2020 là 1.766,63 triệu đồng (trong đó: kinh phí hỗ trợ xây dựng vùng rau an toàn tập trung 1.503 triệu đồng; liên kết sản xuất 273,63 triệu đồng).
- Vốn năm 2020 đang thực hiện 2.223 triệu đồng.

(có phụ biểu kèm theo)

3.2. Kết quả thực hiện:

*** Năm 2016:**

- UBND huyện không đăng ký vốn, và không được tỉnh giao nguồn vốn
- Ngân sách UBND huyện hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung 264 triệu đồng.

*** Năm 2017:**

- Kế hoạch tỉnh giao nguồn vốn: 1.894 triệu đồng, trong đó:
 - + Kinh phí xây dựng vùng rau an toàn tập trung: 724 triệu đồng
 - + Kinh phí hỗ trợ liên kết bao tiêu sản phẩm : 1090 triệu đồng
 - + Kinh phí hỗ trợ sản xuất giống lúa thuần chất lượng cao: 80 triệu đồng
- Kết quả thực hiện: 1.406,2 triệu, trong đó:
 - + Hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung: 579 triệu đồng.
 - + Đối với liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm: 827,2 triệu đồng.
- Tỉnh thu hồi: 487,8 triệu đồng, gồm: Không tổ chức thực hiện được xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm và sản xuất trong nhà lưới: 145 triệu đồng; Sản xuất lúa thuần chất lượng: 80 triệu đồng; liên kết bao tiêu sản phẩm ngô ngọt 180 triệu, khoai tây, bí xanh 82,8 triệu đồng)

*** Năm 2018:**

- Kế hoạch tỉnh giao nguồn vốn: 1.872 triệu đồng; trong đó:
 - + Kinh phí thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm: 1.135 triệu đồng.
 - + Kinh phí hỗ trợ sản xuất vùng rau an toàn: 737 triệu đồng.
- Kết quả thực hiện: 1.587 triệu đồng, trong đó:
 - + Liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm: 910 triệu đồng.
 - + Kinh phí hỗ trợ sản xuất rau an toàn tập trung: 677 triệu đồng.

- Tỉnh thu hồi: 285 triệu đồng. Gồm: Không xây dựng cửa hàng 60 triệu, hỗ trợ sản xuất và liên kết sản xuất ngô ngọt 225 triệu)

*** Năm 2019:**

- Kế hoạch tỉnh giao nguồn vốn: 4.742 triệu đồng theo Quyết định 5068/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu. Chi, ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019; Công văn số 171/STC-TCDN ngày 14/01/2019 của Sở Tài chính về việc dự toán chi tiết các chính sách nông nghiệp năm 2019, trong đó:

+ Kinh phí thực hiện vùng sản xuất rau an toàn: 2.628 triệu đồng;

+ Kinh phí thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm: 2.114 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: 2.965,37 triệu đồng, trong đó:

+ Đối với kinh phí thực hiện vùng sản xuất rau an toàn đã giải ngân thực hiện: 1.125 triệu đồng;

+ Đối với kinh phí thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm: Đã thực hiện giải ngân hỗ trợ thực hiện 1.840,37 triệu đồng.

- Kinh phí còn lại: 1.766,63 triệu đồng đang để ngân sách huyện.

*** Năm 2020:**

Kế hoạch tỉnh giao: 2.223 triệu đồng (theo QĐ 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu. Chi, ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019; Công văn số 50/STC-TCDN về việc dự toán chi tiết các chính sách nông nghiệp năm 2020). Trong đó:

+ Hỗ trợ sản xuất tập trung chuyên canh: 1.398 triệu đồng;

+ Hỗ trợ sản xây dựng nhà lưới: 750 triệu đồng.

+ Hỗ trợ xây dựng cửa hàng: 75 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện: Đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân vốn.

2.2. Hiệu quả kinh tế:

- Đối với vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh: Hình thành các vùng sản xuất rau an toàn tập trung chuyên canh và các vùng sản xuất rau an toàn trong nhà lưới. Người dân nhận thức được tầm quan trọng trong sản xuất ra sản phẩm an toàn mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất.

- Đối với chương trình liên kết sản xuất: Hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, tạo ra khối lượng sản phẩm xuất khẩu cao nên đã thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Mô hình hỗ trợ mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân, có những diện tích đạt 700 triệu đồng/ha/năm.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN.

1. Những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2016-2020.

- Liên kết bao tiêu sản phẩm cho nông dân còn hạn chế, quy mô sản xuất nhỏ, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, HTX với hộ nông dân chưa bền vững còn có doanh nghiệp chậm thanh toán tiền cho nông dân, dẫn đến nông dân chưa yên tâm đầu tư sản xuất.

- Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, việc kêu gọi, huy động thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân cùng tham gia bỏ vốn đầu tư thực hiện các dự án nông nghiệp còn khó khăn.

2. Những tồn tại hạn chế.

- Một số chính sách triển khai nhưng mức độ thụ hưởng của các đối tượng còn thấp như chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi gần như không thực hiện được.

- Kinh phí phân bổ cho chính sách theo Kế hoạch đăng ký còn thiếu, không đủ nguồn vốn để thực hiện như chính sách hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới;

PHẦN THỨ HAI
Những đề xuất, kiến nghị

1. Đối với các quy định của cơ chế, chính sách tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2016-2020.

Đề nghị HĐND tỉnh Thanh Hóa tiếp tục ban hành các cơ chế, chính sách để hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp, trong đó có Chương trình liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm cho nông dân để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh có quy mô lớn áp dụng công nghệ cao và hướng công nghệ cao để phục vụ cho chế biến và xuất khẩu. Hỗ trợ xây dựng mô hình nhà kính, nhà lưới ứng dụng công nghệ cao cho nuôi trồng thủy sản.

2. Đối với UBND tỉnh:

Tiếp tục tham mưu HĐND tỉnh xây dựng các cơ chế chính sách để hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn hỗ trợ cho nông dân./.

Nơi nhận:

- Ban kinh tế-NS HĐND tỉnh(B/c);
- Sở Nông nghiệp &PTNT (B/c);
- TTHU, TTHĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (B/c);
- Lưu: VT, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thịnh Văn Huyền